

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân hàng TMCP Bắc Á

Ngày 31/12/2025	12,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.9%	-5.7%	7.5%

DT thuần Q4/25
-2,638
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 132 4.8%
YoY: ▼462 -21.2%

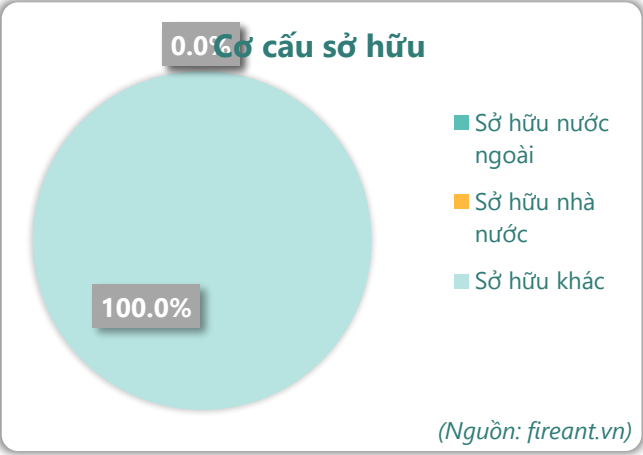
LN thuần Q4/25
-20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.4 -515%
YoY: ▼3.70 -21.5%

LN sau thuế Q4/25
0
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
2.4%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE 2025

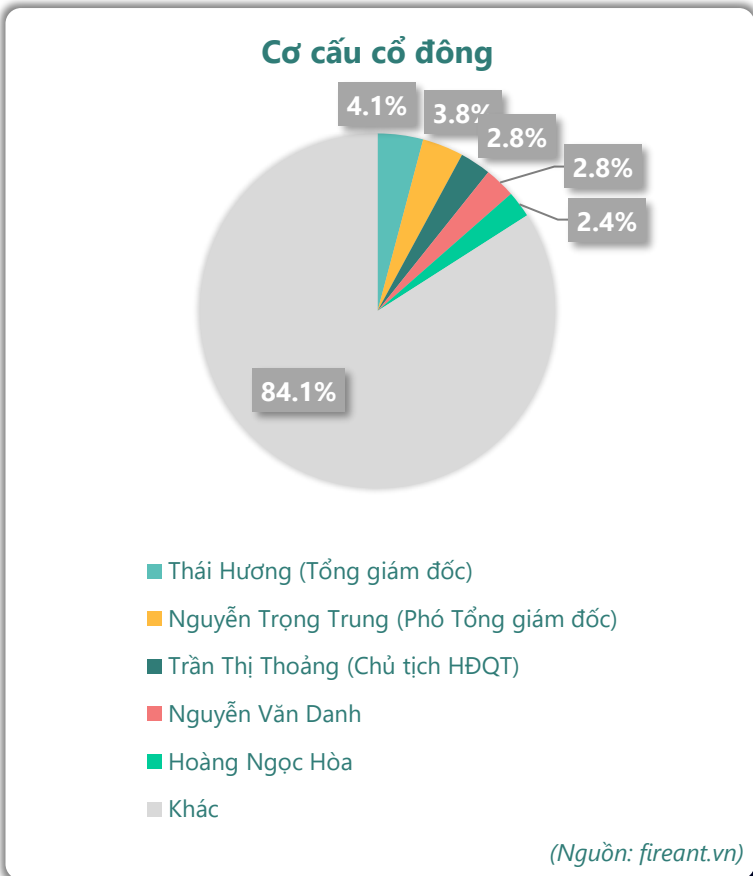
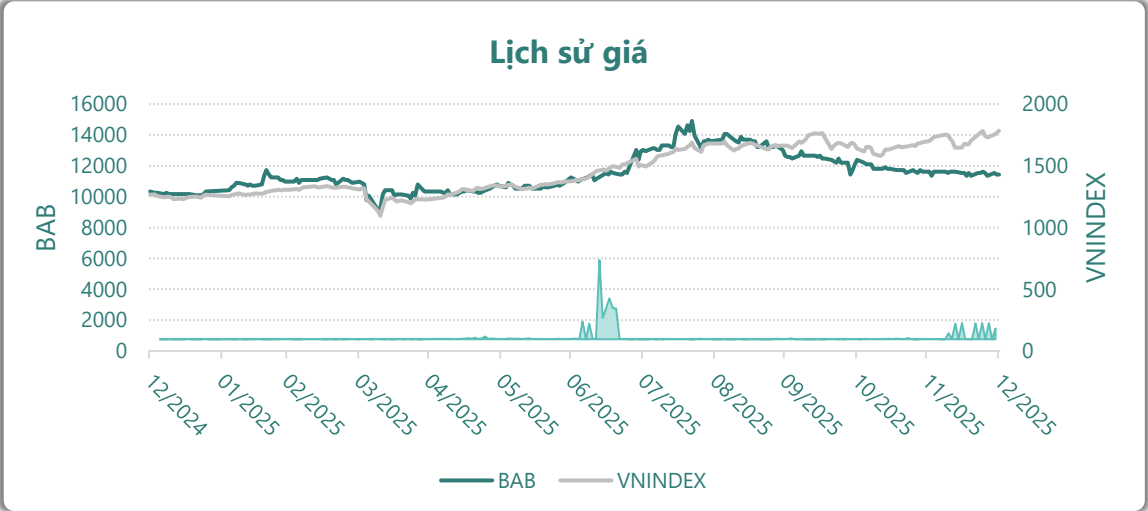
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,135 - 14,914
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,239
Số lượng CPLH (CP)	1,003,219,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,685
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.78
EPS	1,186
P/E	10.3



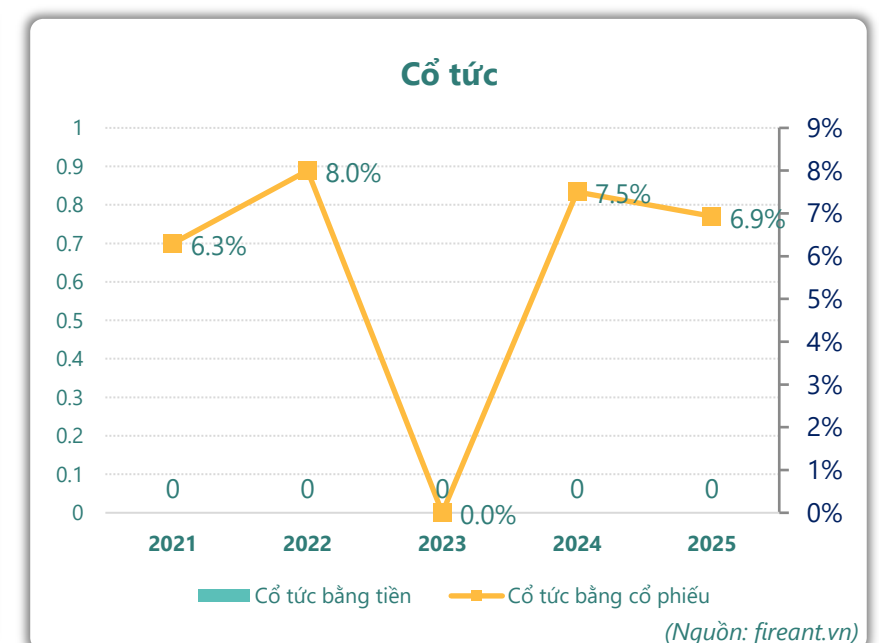
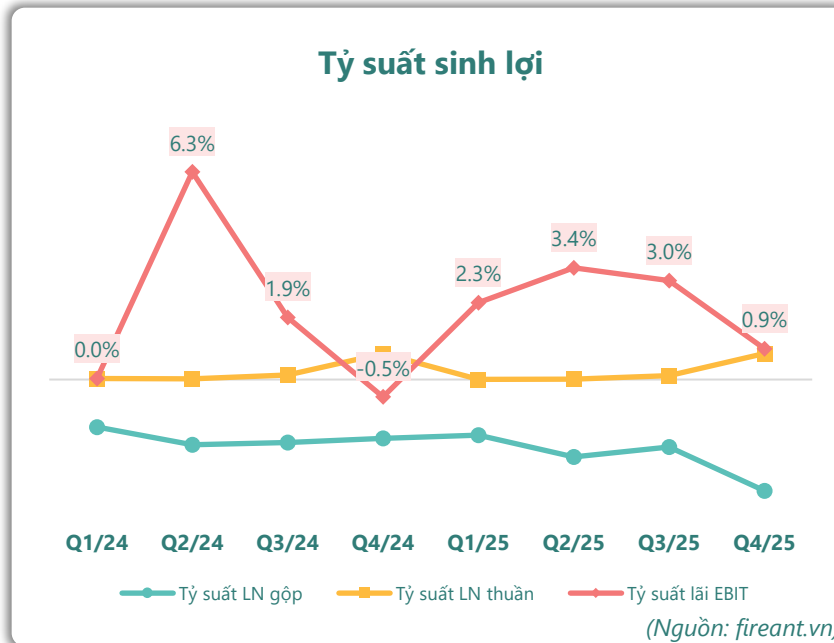
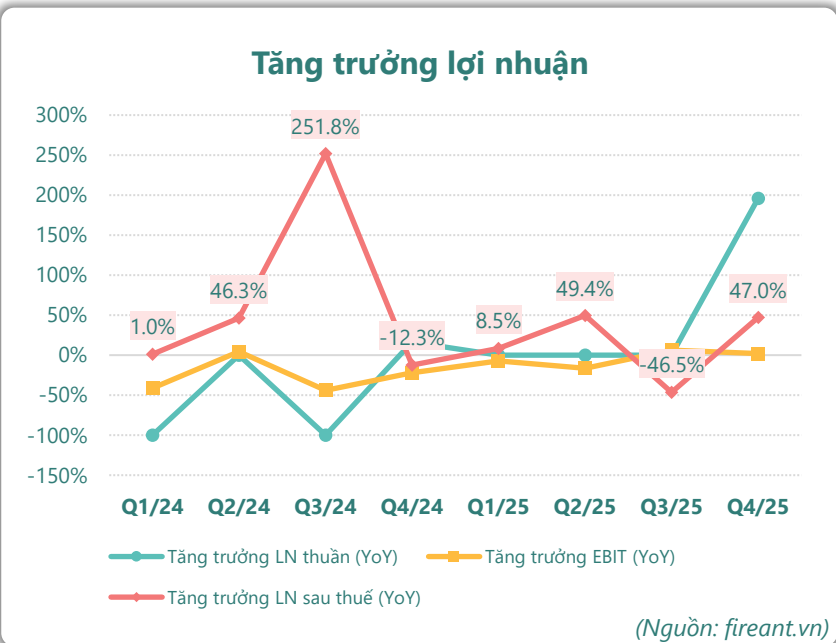
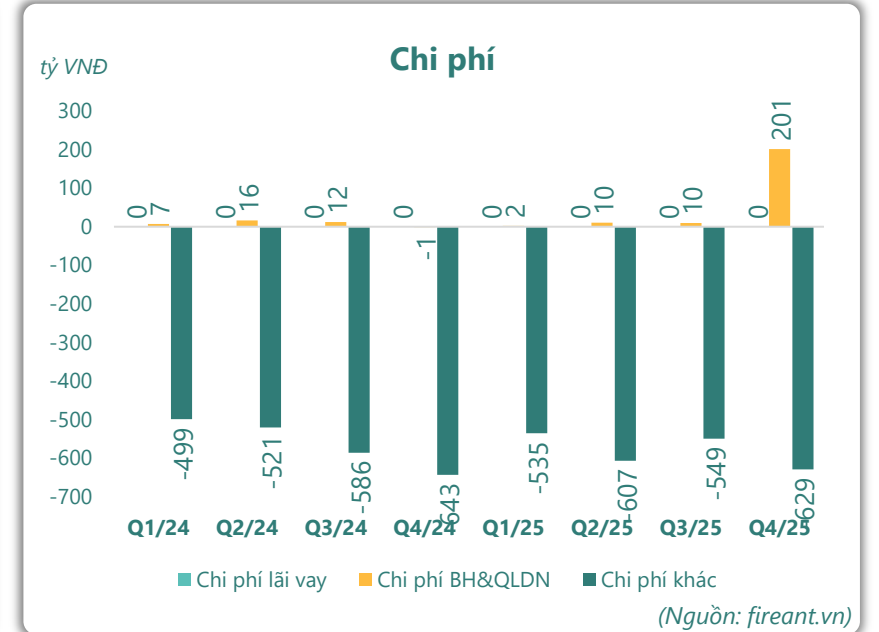
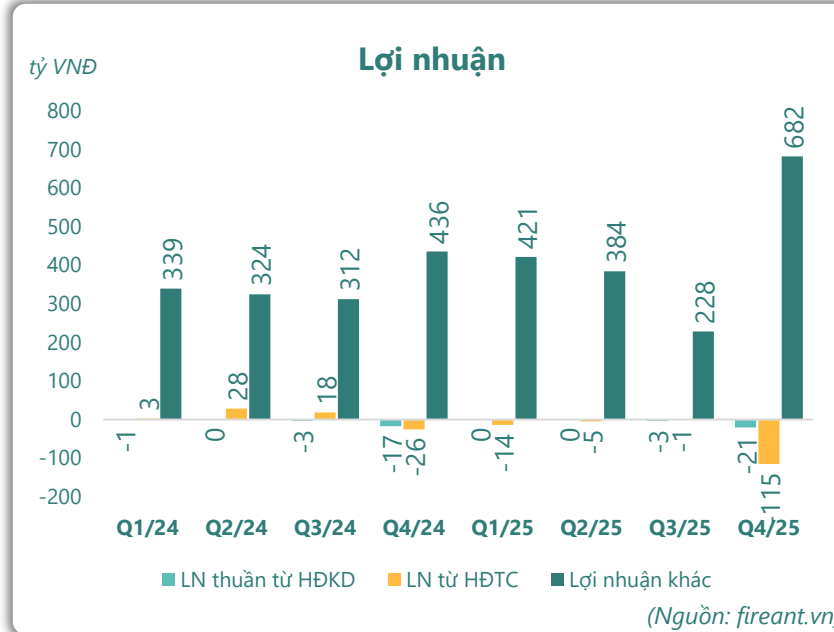
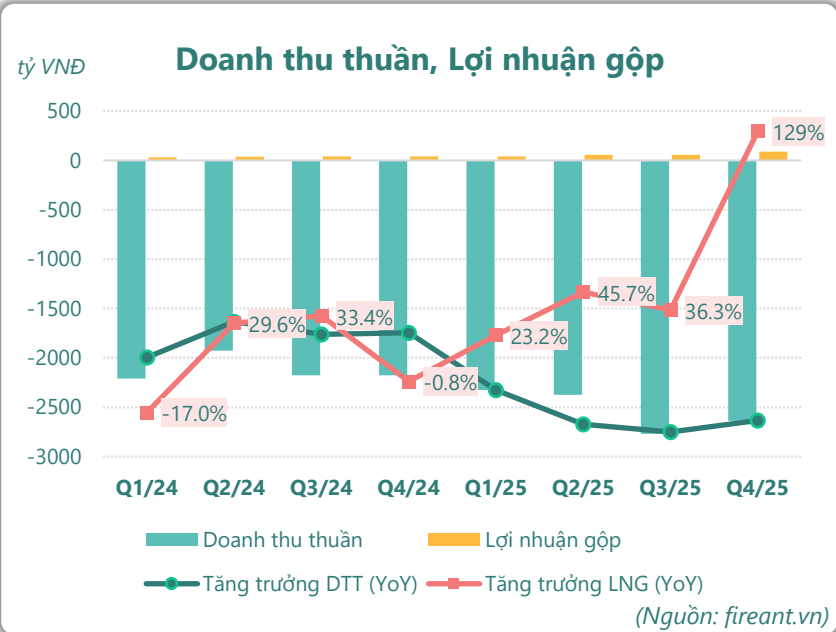
DT thuần 2025
-10,110
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,619 -19.1%

LN thuần 2025
-24.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.40 -16.3%

LN sau thuế 2025
0
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH

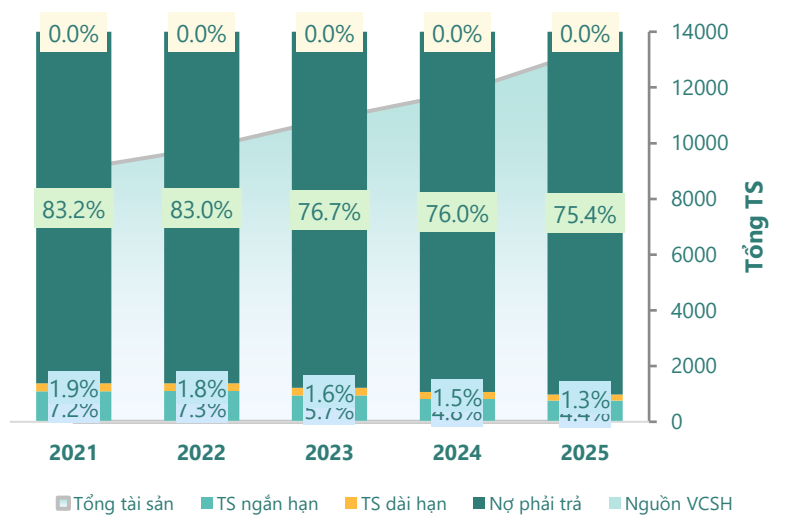


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

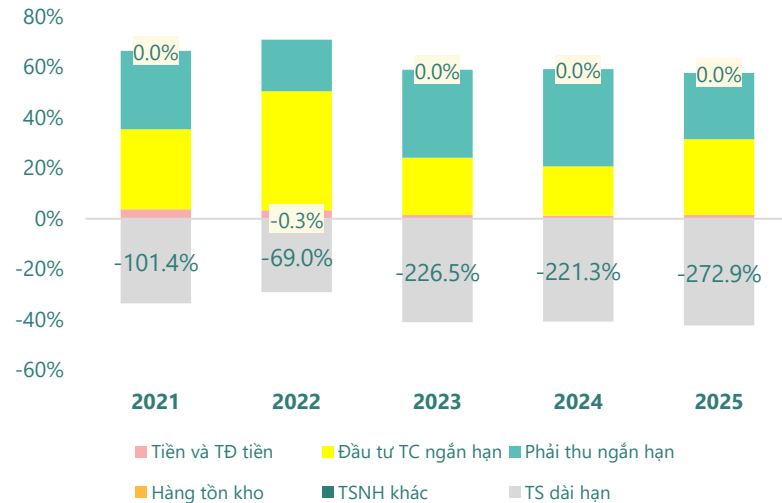
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

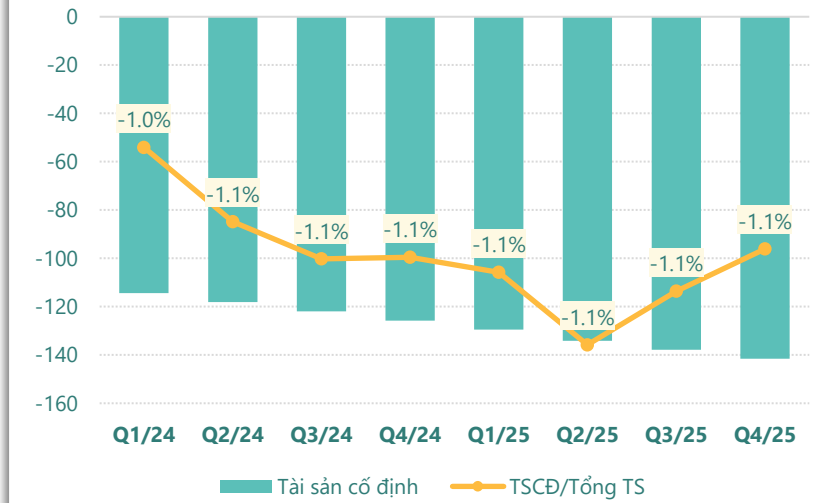
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

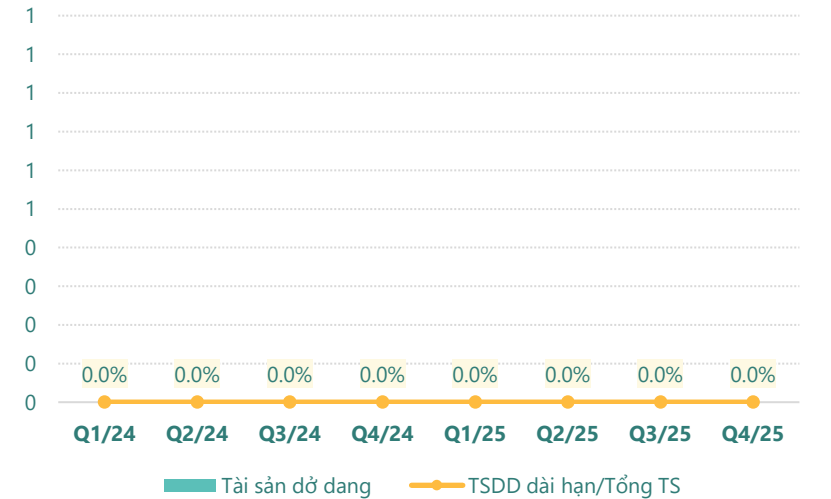
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

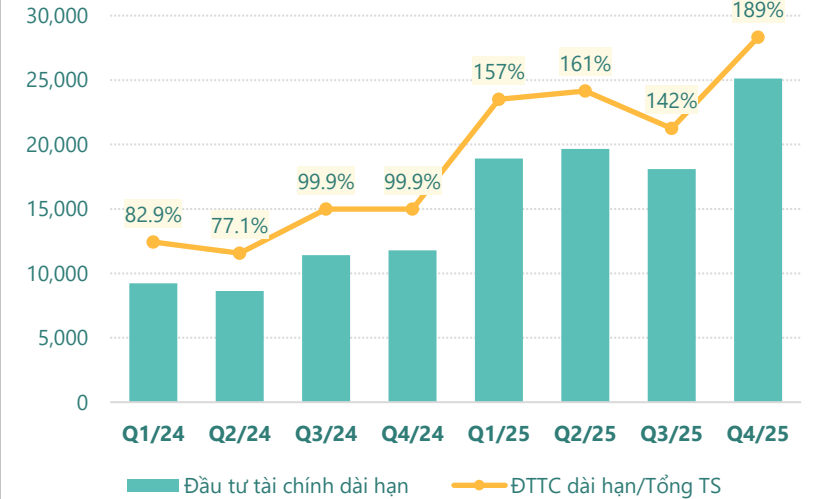
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

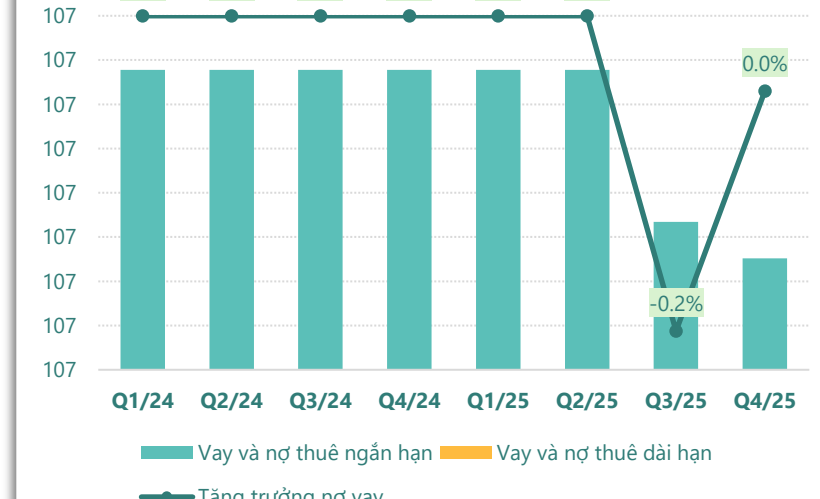
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

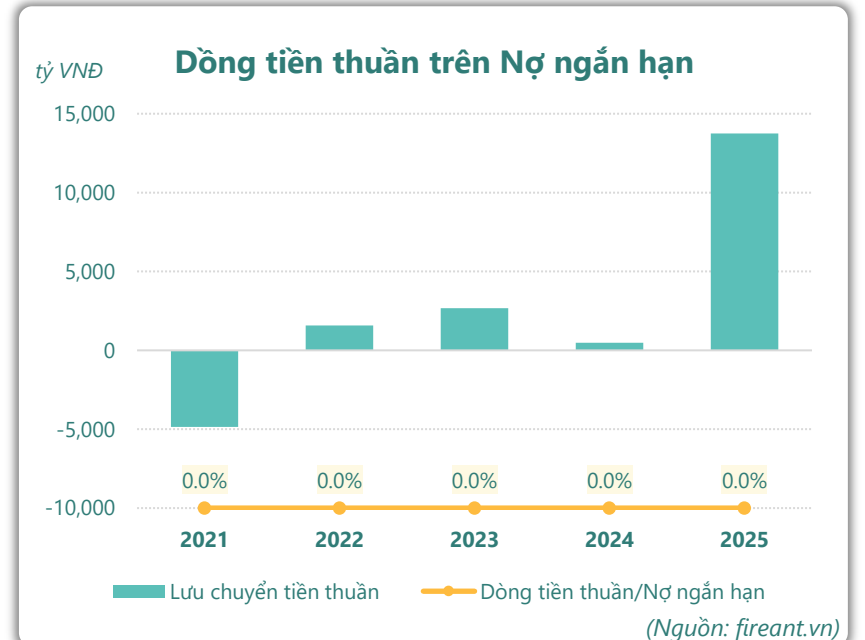
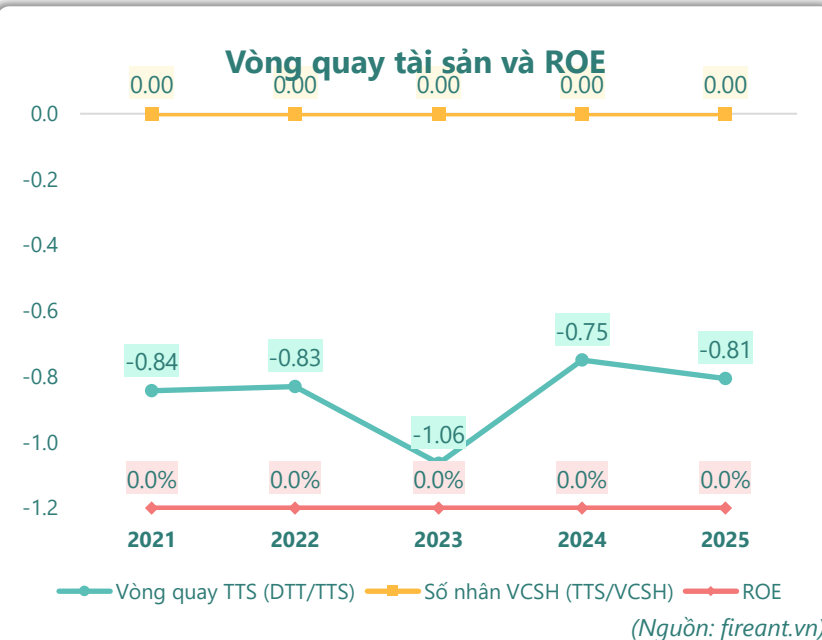
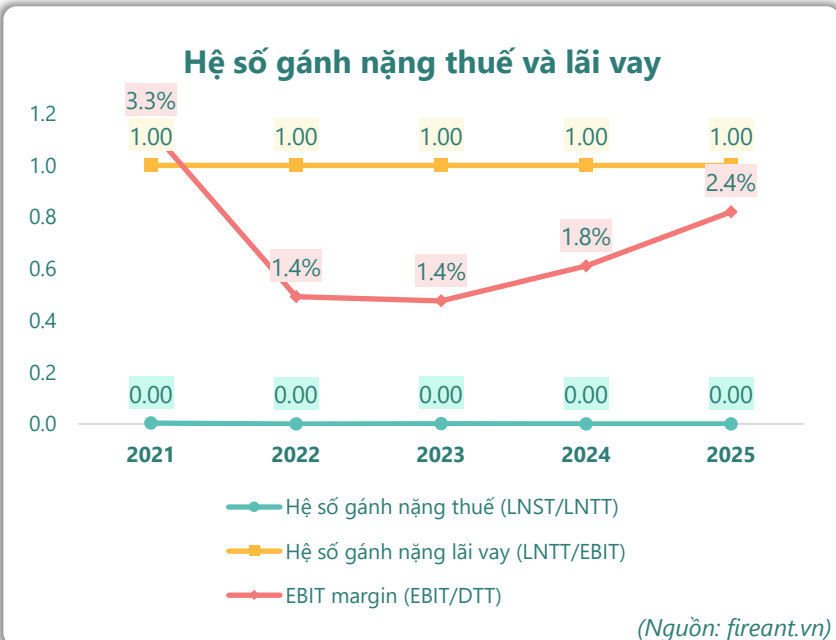
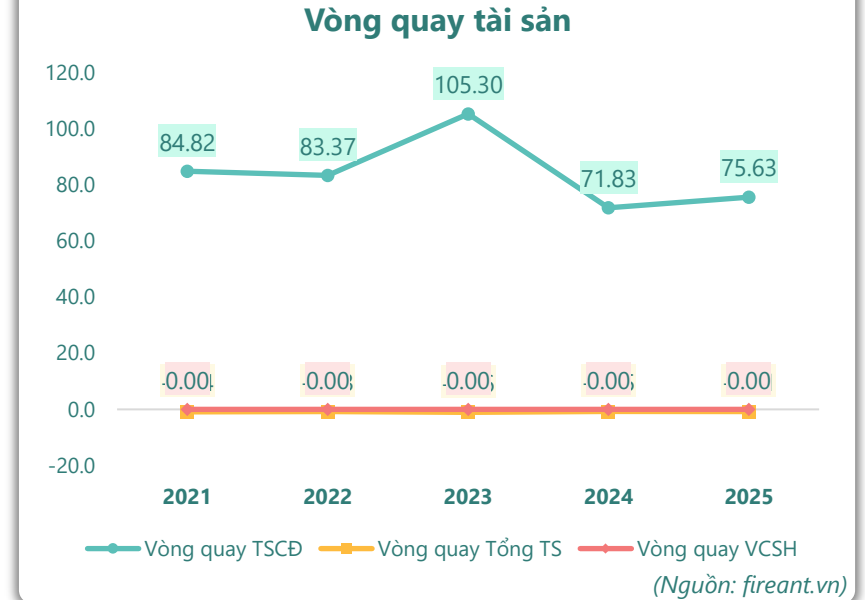
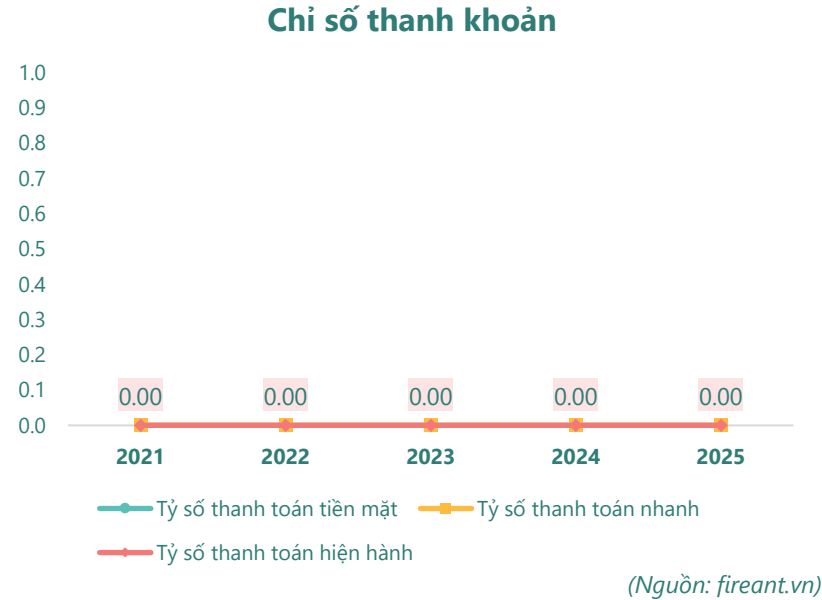
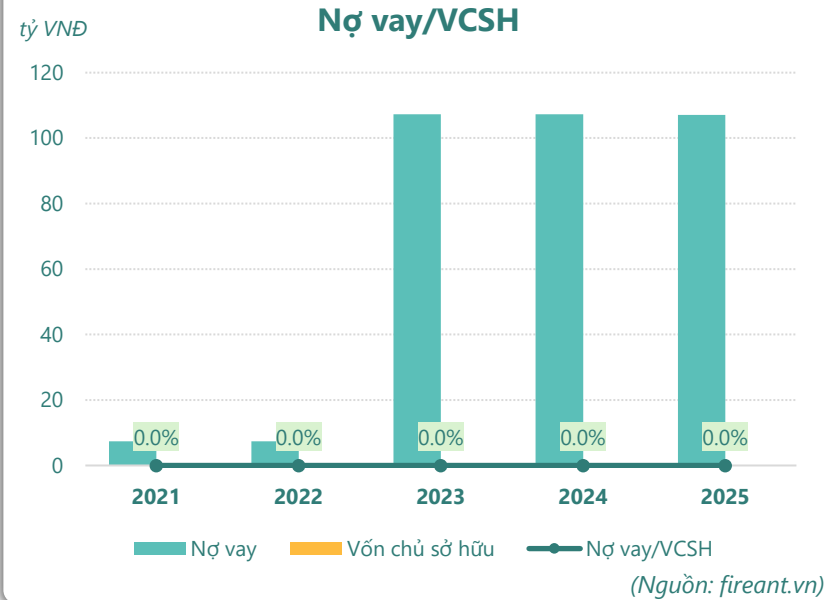
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	-2,638	-2,176	-21.2%	-10,110	-8,491	-19.1%
Giá vốn hàng bán	77.6	25.8	201%	181	106	71.6%
Lợi nhuận gộp	88.8	38.7	129%	240	150	60.0%
Doanh thu HĐTC	-11.2	-12.9	13.1%	-58.8	-44.4	-32.3%
Chi phí TC	104	12.9	706%	75.6	-68.3	211%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	22.6	198	-88.6%	179	284	-37.0%
Chi phí bán hàng	90.2	-9.27	1073%	99.6	6.11	1531%
Chi phí QLDN	111	7.86	1312%	124	27.3	355%
LN thuần từ HĐKD	-20.8	-17.1	-21.5%	-24.6	-21.2	-16.3%
Lợi nhuận khác	682	436	56.4%	1,716	1,412	21.5%
LN trước thuế	-24.7	11.4	-316%	-242	-151	-59.9%
Lợi nhuận sau thuế	0	0.00		0	0	
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2,577	1,668	1,422	14,755	-6,538	4,608
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.2	-13.2	-6.26	-4.70	6.59	23.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.7	1,500	-10.7	-3,453	1,737	1,215
Tiền đầu kỳ	15,163	12,531	14,769	16,174	27,471	22,677
Lưu chuyển tiền thuần	-2,632	3,155	1,405	11,297	-4,795	5,846
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12,531	15,687	16,174	27,471	22,677	28,523

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,309	11,782	13.0%
Tài sản ngắn hạn	585	567	3.3%
Tiền và tương đương tiền	1,220	798	52.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25,820	12,455	107%
Phải thu ngắn hạn	22,589	24,600	-8.2%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	168	172	-2.4%
Phải thu dài hạn	550	519	6.0%
Tài sản cố định	-142	-126	-12.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25,126	11,776	113%
Tài sản dài hạn khác	4,144	3,220	28.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,032	8,959	12.0%
Nợ ngắn hạn	0	0	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	107	107	-0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

